

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)  
(Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC on 16 November 2020 guiding operations and management of securities investment funds)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Ngày 04/11/2025 / As at 04 Nov 2025

|   |                                                                    |                                                                                                                 |
|---|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | <b>Tên Công ty Quản lý Quỹ:</b><br><i>Fund Management Company:</i> | <b>Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam</b><br><i>KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd</i>                     |
| 2 | <b>Tên Ngân hàng Giám sát:</b><br><i>Supervising bank:</i>         | <b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</b><br><i>Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam</i> |
| 3 | <b>Tên Quỹ ETF:</b><br><i>Fund name:</i>                           | <b>Quỹ ETF KIM GROWTH VN30</b><br><i>KIM GROWTH VN30 ETF</i>                                                    |
| 4 | <b>Mã chứng khoán:</b><br><i>Code:</i>                             | <b>FUEKIV30</b><br><i>FUEKIV30</i>                                                                              |
| 5 | <b>Ngày lập báo cáo:</b><br><i>Reporting date:</i>                 | <b>05/11/2025</b><br><i>05 Nov 2025</i>                                                                         |

Đơn vị tính/ Currency: VND

| STT No | CHỈ TIÊU<br>Criteria                                            | Mã số<br>Code | KỲ NÀY<br>THIS PERIOD<br>04/11/2025 | KỲ TRƯỚC<br>LAST PERIOD<br>03/11/2025 |
|--------|-----------------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------|---------------------------------------|
| 1      | <b>Giá trị tài sản ròng / Net asset value</b>                   |               |                                     |                                       |
| 1.1    | <i>Của quỹ ETF/Per Fund</i>                                     |               | 2.471.899.425.561                   | 2.420.119.782.775                     |
| 1.2    | <i>Của một lô chứng chỉ quỹ ETF/Per lot of Fund Certificate</i> |               | 1.280.113.633                       | 1.253.298.696                         |
| 1.3    | <i>Của một chứng chỉ quỹ/Per Fund Certificate</i>               |               | 12.801,13                           | 12.532,98                             |

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát  
*Authorised Representative of Supervisory Bank*



**TRƯỞNG TRUNG TÂM**  
*Võ Trí Thanh*

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ  
Người được ủy quyền công bố thông tin  
*Authorised Representative of Fund Management Company*  
*Authorised Person in disclosing information*



**Hyun Dongsik**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam